

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 477/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Trần T, sinh năm 1989; đăng ký thường trú: Ấp HH, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang; đăng ký tạm trú: Nhà trọ ông Lê T, tổ 11, khu phố 4, phường P, thị xã C, Tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Bà Phạm V, sinh năm 1990; đăng ký thường trú: Ấp H, xã Vĩnh B, huyện T, tỉnh Kiên Giang; đăng ký tạm trú: Nhà trọ ông Lê T, tổ 11, khu phố 4, phường P, thị xã C, Tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Trần T và bà Phạm V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cho ông Trần T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Trần V, sinh ngày 02/9/2011.

Bà Phạm V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần V mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày 15/7/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của ông Trần T cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bà Phạm V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án xong.

Bà Phạm V có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông Trần Trung Tình và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông bà Vân trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Trần T tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng, tổng số tiền ông T phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0047659, ngày 12/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, VT.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Xuân